

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/02/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Bầy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Lương Ngọc D**, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà **Đào Thị N**, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Ngọc D trình bày: Ông và bà N kết hôn vào ngày 30/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là phường L), thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên kết hôn khi tuổi đã cao nên vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng về cách sống, cách sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra, bà N và con riêng của ông còn thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ông thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi lẫn nhau. Từ tháng 2/2019, bà N đã về quê ở, ông và bà N đã sống ly thân từ đó không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay ông D xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Quan điểm của ông D xin được ly hôn bà N để giải phóng cho đôi bên khỏi gánh buộc.

Tại biên bản lấy lời khai Bị đơn bà Đào Thị N trình bày: Bà N xác định về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn đúng như ông D trình bày. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông D là do trước khi kết hôn bà và ông D đều đã có gia đình và đã có con riêng. Sau khi kết hôn, bà về chung sống với ông D ở khu dân cư Nội Hợp, phường L, thị xã K được 2 năm thì bà về xã Xã K, huyện K, ông D cũng theo bà về quê Xã K, huyện K ở cùng. Khi về ở cùng bà, ông D đi làm bảo vệ cho một công ty tại Hải Phòng. Đầu năm 2021, do dịch bệnh nên công ty cho ông D nghỉ việc. Sau đó, ông D đã về Kinh Môn ở từ tháng 4/2021 đến nay. Còn lý do tại sao ông D không ở cùng với bà mà về Kinh Môn ở thì bà không biết. Từ khi ông D bỏ về Kinh Môn, ông D cũng có vài lần gọi điện và nhắn tin cho bà nhưng bà không nghe và chặn số của ông D nên ông D không còn liên lạc với bà nữa. Bà N xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ông D có đơn xin ly hôn bà thì bà không đồng ý vì trước khi làm đơn ly hôn ông D đã không nói với bà. Còn ông D vẫn cố tình xin ly hôn bà thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D và bà N đều có quan điểm không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà: ông Lương Ngọc D và bà Đào Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như trong biên bản lấy lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án đã tiến hành thu thập.

Đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; Về việc quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử cho ông Lương Ngọc D được ly hôn bà Đào Thị N; Không đặt ra việc

giải quyết về tài sản chung, nợ chung; ông D phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đào Thị N là Bị đơn cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Ông D và bà N đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông D và bà N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Ngọc D và bà Đào Thị N kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của ông Lương Ngọc D thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà N là do hai bên không hợp nhau về tính tính, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hơn nữa do bà N và các con riêng của ông D có mối quan hệ tình cảm không được tốt. Từ đó dẫn đến ông D và bà N thường xuyên xảy ra việc va chạm đánh cãi chửi nhau. Mặc dù bà N không nhất trí ly hôn, song bà N cũng xác định sau khi ông D về quê Kinh Môn ở, bà đã chặn hết cuộc gọi, tin nhắn từ phía ông D và vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế từ tháng 4/2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bà N nhiều lần đến để hoà giải, song bà N đều không đến. Điều đó thể hiện bà N đã bỏ mặc tình cảm vợ chồng chứ không mong muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho ông Lương Ngọc D được ly hôn bà Đào Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lương Ngọc D và bà Đào Thị N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lương Ngọc D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, miễn án phí dân sự cho ông D là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc D, cho ly hôn giữa ông Lương Ngọc D và bà Đào Thị N.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn cho ông Lương Ngọc D. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành hoàn trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2018/0002528 ngày 28/10/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND phường L, thị xã K;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**